

Di tích kiến trúc tại 36 Điện Biên Phủ (Hà Nội): Những giá trị nổi bật

Phạm Văn Triệu*

Nhận ngày 1 tháng 10 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Tóm tắt: Năm 2012-2014, cuộc khai quật tại địa điểm 36 Điện Biên Phủ đã phát hiện được hệ thống các di tích kiến trúc có niên đại từ thời Đại La (thế kỷ 7-9) đến thời Lê (thế kỷ 15-18) được xác định rõ thông qua các đặc trưng về di vật đi kèm. Tổng số có 15 di tích kiến trúc, trong đó: thời Đại La có 2 di tích, thời Lý (thế kỷ 11-13) có 3 di tích; thời Trần (thế kỷ 13-14) có 1 tích; thời Lê (thế kỷ 15-18) có 8 di tích. Qua nghiên cứu bằng phương pháp khảo cổ học truyền thống: đo, vẽ, chụp ảnh, nghiên cứu so sánh với các phát hiện về dấu tích kiến trúc tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long để từ đó đưa ra nhận định về tính truyền thống và đặc trưng riêng của các di tích kiến trúc tại 36 Điện Biên Phủ góp phần nghiên cứu lịch sử kiến trúc cung điện, làm sáng rõ hơn những giá trị của Khu di sản thế giới Hoàng thành Thăng Long.

Từ khoá: Di tích kiến trúc, Hoàng thành Thăng Long, địa điểm khảo cổ học 36 Điện Biên Phủ.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: During the period of 2012-2014, the excavation at 36 Điện Biên Phủ site discovered a system of architectural relics dating from the Đại La period (the 7th-9th centuries) to the Lê period (the 15th-18th centuries) which were clearly identified through the characteristics of the accompanying artifacts. There are a total of 15 architectural relics, of which: 2 relics of the Đại La period, 3 relics of the Lý period (the 11th-13th centuries); 1 relic of the Trần period (the 13th-14th centuries); 8 relics of the Lê period (the 15th-18th centuries). By using traditional archaeological research methods such as measuring, drawing, taking photos, comparative research with the discoveries of the architectural vestiges at the Thăng Long Imperial Citadel, from there, we make judgments about the tradition and unique characteristics of the architectural relics at 36 Điện Biên Phủ, contributing to the study of the history of palace architecture and clarifying the values of the World Heritage Site of Thăng Long Imperial Citadel

Keywords: Architectural relics, Thăng Long Imperial Citadel, 36 Điện Biên Phủ archaeological site.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Khu vực khai quật khảo cổ học ở 36 Điện Biên Phủ (hay còn gọi là địa điểm Vườn Hồng) có diện tích hơn 8.000m², được chia thành 21 hố, ký hiệu từ hố G01 đến G21, nằm về phía Nam của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Phía Bắc giáp với khu C (nơi phát hiện được di tích kiến trúc bát giác). Phía Nam giáp với nhà riêng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Phía Tây giáp với trụ sở Bộ Ngoại giao. Phía Đông giáp với Trung tâm tìm kiếm cứu nạn Quốc gia. Qua việc nghiên cứu, đối sánh về khoảng cách thực địa với bản đồ Hồng Đức cho thấy toàn bộ khu vực khai quật nằm trong khu trung tâm của Hoàng thành Thăng Long thời Lê, và có thể cũng thuộc trung tâm của cấm thành Thăng Long thời Lý - Trần.

* Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: trieukch1979@gmail.com

Để thực hiện công tác khai quật, toàn bộ khu vực này đã được xây dựng lưới toạ độ theo hệ lưới của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Quá trình khai quật, tuân thủ tuyệt đối các phương pháp của chuyên ngành khảo cổ học: khai quật theo các lớp văn hoá, các lớp đất được bóc theo địa hình căn cứ trên màu sắc của lớp đất và các di vật đi kèm nhằm nhận diện, phân tách niên đại của di tích và di vật xuất lộ trong lớp văn hoá. Những di vật và di tích phát hiện được trong quá trình khai quật đều được đo vẽ, chụp ảnh và đánh mã số ký hiệu theo hệ lưới toạ độ, theo từng hố, từng lớp văn hoá để phục vụ cho công tác chỉnh lý nghiên cứu, đồng thời nghiên cứu so sánh nhằm nhận diện loại hình, tính chất và niên đại trước khi di dời về nhà kho bảo quản.

Trên tổng diện tích hơn 8.000m², cùng với hàng vạn di vật là vật liệu kiến trúc và đồ dùng sinh hoạt, kết quả khai quật đã xác định và làm rõ hệ thống nền móng các di tích kiến trúc có niên đại từ khoảng thế kỷ 7-18, tức là từ thời Đại La đến thời Lê Trung hưng, trong đó: thời Đại La (thế kỷ 7-9) có 3 di tích, thời Lý (thế kỷ 11-12) có 3 di tích, thời Trần (thế kỷ 13-14) có 1 di tích, thời Lê sơ (thế kỷ 15-16) có 4 di tích và thời Lê Trung hưng (thế kỷ 17-18) có 4 di tích. Qua công tác chỉnh lý, nghiên cứu, đánh giá di tích trên các phương diện: quy mô, cấu trúc, vật liệu và kỹ thuật xây dựng đã xác định được những giá trị và đặc trưng nổi bật của hệ thống những di tích này trong tổng thể di tích kiến trúc tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, góp phần vào việc nhận diện không gian, cấu trúc của thành Đại La (thế kỷ 7-9) và cấm thành Thăng Long, từ thế kỷ 11-18.

Việc phát hiện được hệ thống các di tích và di vật trong khu vực 36 Điện Biên Phủ có ý nghĩa và giá trị to lớn, đóng góp nhiều tư liệu quan trọng để từ đó góp phần khẳng định những giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới Hoàng thành Thăng Long. Tuy nhiên, do đặc thù của chuyên ngành khảo cổ học, nên trước khi công bố chính thức những di tích và di vật phát hiện được cần phải tiến hành chỉnh lý, đánh giá giá trị, do vậy, đến nay những bài công bố kết quả nghiên cứu về di tích còn rất hạn chế.

Năm 2021, trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả Lưu Văn Hùng đã có những công bố bước đầu về dấu tích kiến trúc tại khu vực 36 Điện Biên Phủ, theo đó, việc nhận diện các di tích qua các thời kỳ đã được đề cập đến trên các phương diện: mặt bằng, quy mô và cấu trúc (Lưu Văn Hùng, 2021). Công bố đã điểm được về cơ bản những di tích kiến trúc phát hiện được, tuy nhiên, những tư liệu này mới dừng ở kết quả khai quật hiện trường, nên chưa có kết nối với các khu vực khác trong di sản Hoàng thành Thăng Long, đồng thời chưa có nghiên cứu so sánh với các phát hiện tại các địa phương khác nên chưa đánh giá được tổng thể và những đóng góp của di tích trong việc nghiên cứu diễn trình lịch sử của Thăng Long nói riêng và cả nước nói chung.

Năm 2020, dự án chỉnh lý nghiên cứu tư liệu khu vực này bắt đầu được tiến hành, từ đây, những công bố về kết quả nghiên cứu các di tích có hệ thống và toàn diện hơn do chính những người trực tiếp nghiên cứu, chỉnh lý công bố. Những di tích thời Đại La đã được nhận diện và nghiên cứu so sánh, từ đây đã cho thấy thành Đại La nằm về phía Bắc của khu vực khai quật và mang những đặc điểm chung về kỹ thuật, vật liệu trong việc xây dựng các kiến trúc thời kỳ này (Bùi Văn Liêm, Phạm Văn Triệu, 2020). Đến thời Lý (thế kỷ 11-13), nghiên cứu công bố 03 dấu tích kiến trúc, qua so sánh về phương vị, thước đo đã cho thấy, những di tích này đều nằm trên trục trung tâm của quần thể các di tích thời Lý trong khu vực 18 Hoàng Diệu, mang những dấu ấn đặc trưng nổi bật về vật liệu và kỹ thuật xây dựng, đồng thời

đóng góp thêm tư liệu về loại hình mặt bằng kiến trúc hình tròn, có thể xoay được lần đầu tiên phát hiện ở thời Lý (Phạm Văn Triệu, Lưu Văn Hùng, 2021). Sau đó, nhóm tác giả Phạm Văn Triệu, Phạm Lê Huy đã nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu về di tích trục xoay thời Lý phát hiện được tại 36 Điện Biên Phủ trên cơ sở nghiên cứu so sánh với Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, từ đó đã đi đến nhận định, kiến trúc này có thể là dạng kiến trúc có trục xoay ở chính giữa, có thể xoay được dưới tác động lực. Đây có thể là một dạng sớm của kiến trúc cửa phẩm liên hoa (Phạm Văn Triệu, Phạm Lê Huy 2024). Năm 2024, các tác giả Phạm Văn Triệu, Bùi Văn Liêm đã có những nghiên cứu, công bố về di tích kiến trúc thời Lê tại khu vực này, từ những nghiên cứu về quy mô cấu trúc của các di tích, nhất là dấu tích các móng tường của Cẩm thành, so sánh với các phát hiện tại khu vực điện Kính Thiên, nhóm tác giả đã phân định sự khác biệt của kiến trúc thuộc bên trong và ngoài Cẩm Thành, qua đó dự báo tiềm năng khai quật và nghiên cứu các di tích này bên ngoài khu vực cửa Đoan Môn.

Nhìn chung, những nghiên cứu, công bố của những người trực tiếp thực hiện công tác khai quật, chỉnh lý đã cung cấp những tư liệu có độ tin cậy cao. Tuy nhiên, những nghiên cứu này mang tính chất riêng lẻ theo từng nhóm vấn đề, từng thời kỳ lịch sử, do vậy những đóng góp về giá trị nổi bật của các di tích này trong tổng thể giá trị của di sản Hoàng thành Thăng Long chưa hình thành hệ thống chung, bám sát với các giá trị và kết quả nghiên cứu trong khu vực di sản.

2. Tầng văn hoá xuất lộ các di tích

Tầng văn hoá dày trung bình từ 3,0m đến 4,5m, theo trật tự từ dưới lên trên, gồm các lớp văn hoá như sau:

- Lớp văn hoá 1: Dày trung bình 0,5-1,5m, đây là lớp văn hóa của thời kỳ Đại La (thế kỷ 7-9), ổn định trong khoảng từ hố G01 đến G03. Tại các hố còn lại, từ G04 đến G21, lớp văn hóa thời kỳ này không đồng nhất, mà thể hiện qua những hiện tượng cụ thể với các di vật đặc trưng: gạch có chữ “Giang Tây quân”, ngói xám, di vật gốm.

- Lớp văn hoá 2: Dày trung bình 0,4-0,6m, thuộc thời Lý (thế kỷ 11-13) được tạo nên bằng các lớp đất sét đắp nền xen lẫn các lớp cát màu xám hoặc màu vàng. Mỗi lớp đất đắp này có độ dày không đều và trung bình dao động trong khoảng 5-30cm. Đáng lưu ý, tại các vị trí tìm được các kiến trúc thời Lý ở các hố G01 - G02 và G07 - G08, lớp văn hóa này dày đến trên 2,0m.

- Lớp văn hoá 3: thuộc thời Trần (thế kỷ 13-14), đã bị phá huỷ gần như toàn bộ, còn nhận diện được rõ nhất trong phạm vi hố G03 với lớp nền đầm kết cấu bằng các lớp đất sét màu nâu sẫm hoặc màu vàng xen kẽ lớp cát mỏng đầm chặt, có lẫn một số mảnh gạch, ngói màu đỏ tươi, dày trung bình từ 0,6-0,8m.

- Lớp văn hoá 4: Dày trung bình 0,8-1,0m, gồm 2 lớp nhỏ: Lớp văn thời Lê Trung hưng (thế kỷ 17-18) nằm bên trên và lớp văn hoá thời Lê sơ (thế kỷ 15-16) nằm phía dưới. Lớp đất văn hoá 4 tương đối dày và phân bố rộng khắp trên toàn bộ khu vực khai quật.

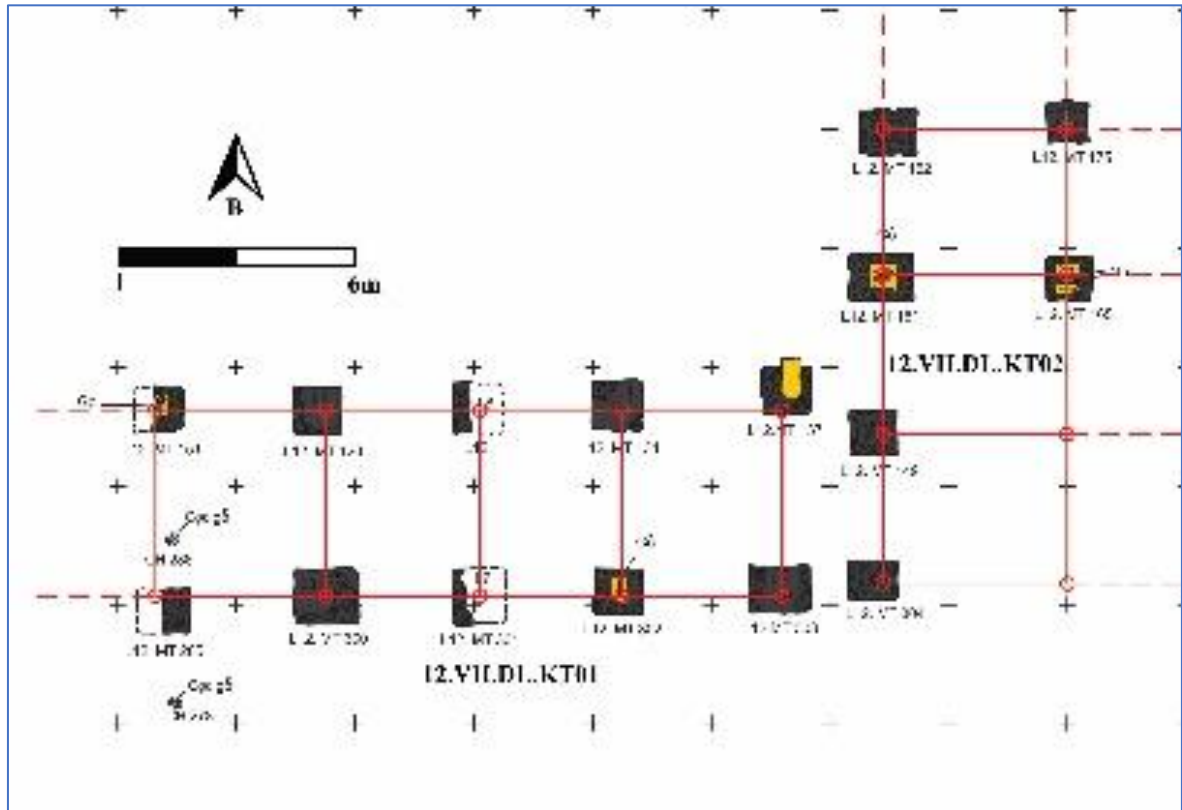
3. Nhận diện di tích kiến trúc

Hệ thống các di tích nền móng kiến trúc được nhận diện thông qua quy mô, kết cấu, kỹ thuật và vật liệu xây dựng, theo đó, được phân chia thành 5 thời kỳ, kéo dài từ thời Đại La đến thời Lê Trung hưng.

3.1. Di tích thời Đại La (thế kỷ 7-9)

Thời kỳ này, nhận diện được 2 di tích thuộc 2 loại hình: di tích hành lang và di tích móng tường thành (Hình 1)

Hình 1: Di tích kiến trúc hành lang thời Đại La.



Nguồn: Bùi Văn Liêm, Phạm Văn Triệu, Lưu Văn Hùng, 2020.

- Di tích hành lang, ký hiệu 12.VH.ĐL.KT01 và ký hiệu 12.VH.ĐL.KT02, phát hiện được tại khu vực hố G01 và G02, gồm 17 móng cột được gia cố bằng các mảnh gạch và ngói màu xám, kích thước trung bình 1,5m x 1,5m. Mặt bằng kiến trúc dài tổng thể là 42m, rộng 7m, gồm 2 phần: phần kiến trúc chạy dài theo chiều đông - tây và phần chạy dài theo chiều bắc - nam. Kết cấu kiến trúc có 2 móng cột trong một vòm, lòng kiến trúc rộng 5,0m.

- Di tích móng tường thành ký hiệu 12.VH.ĐL.KT03, quy mô phạm vi xuất lộ là 729m², chiều bắc - nam rộng 22m, chiều đông - tây dài 36m với tổng số 1.106 cọc gỗ được vót nhọn đóng sâu xuống nền đất sinh thổ bên trên dùng các loại vật liệu như lá cây, gạch chữ nhật màu xám, nhiều viên có chữ Hán “Giang Tây quân” được dải làm móng nền. Căn cứ hiện trường xuất lộ và kết cấu, di tích được xác định là một phần móng nền của tường thành phía Nam thành Đại La. Cọc gỗ có kích thước trung bình dài từ 1,8-3,5m, đường kính từ 0,1-0,17m, đầu dưới được vót nhọn.

3.2. Di tích thời Lý (thế kỷ 11-13)

Gồm 3 di tích: (Hình 2)

Hình 2: Di tích kiến trúc mặt bằng hình chữ nhật thời Lý, ký hiệu 12.VH.G.LY03 và LY04.



Nguồn: Phạm Văn Triệu, Lưu Văn Hùng, 2021.

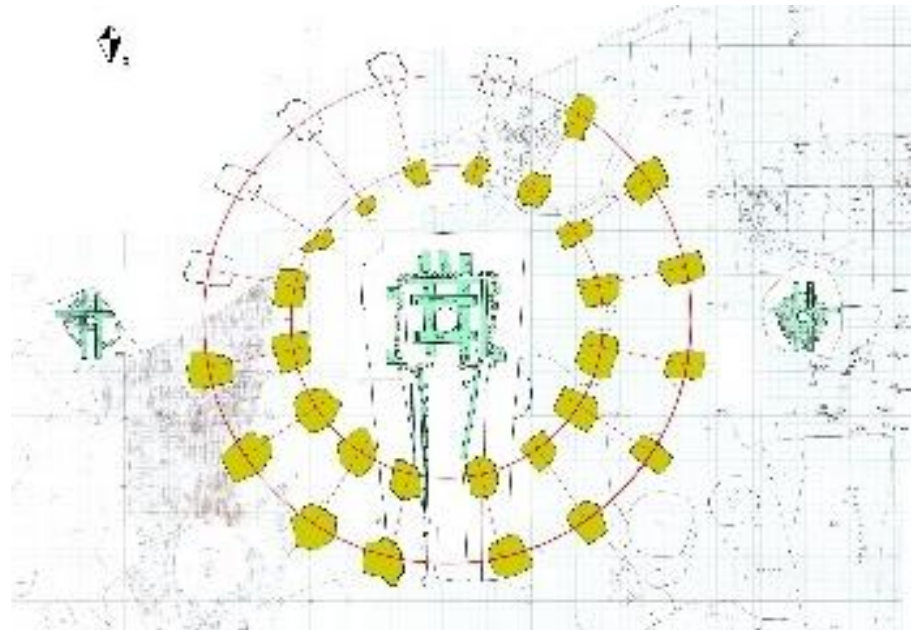
- Di tích kiến trúc ký hiệu 12.VH.LY.KT03, phát hiện được tại khu vực hồ G01 và G02, gồm 8 móng cột, phân bố trong khoảng diện tích 182m^2 . Cấu trúc mặt bằng hình chữ nhật, chiều bắc - nam là 28m, chiều đông - tây là 6,5m. Theo chiều từ đông sang tây tạo thành 1 khoảng cách gian của gian chái phía tây có số đo là 3,9m. Theo chiều từ bắc xuống nam, 6 móng cột trong 1 vì tạo thành 5 khoảng cách, tổng đó: Khoảng cách giữa cột quân và cột ngoài cùng phía Bắc và phía Nam là 4,0m, khoảng cách giữa cột quân và cột cái là 4,2m, lòng kiến trúc rộng 7,5m.

- Di tích kiến trúc ký hiệu 12.VH.LY.KT04, phát hiện được tại khu vực hồ G01 và G02, gồm 24 móng cột, phân bố trong phạm vi diện tích $416,5\text{m}^2$. Cấu trúc mặt bằng hình chữ nhật, chiều bắc - nam là 24,5m, chiều đông - tây là 17m. Các móng cột phân bố tạo thành 4 hàng theo chiều từ đông - tây, mỗi hàng có 6 móng cột. Theo chiều từ đông sang tây, 4 hàng móng cột tạo thành 3 khoảng cách, trong đó: Khoảng cách 1 có số đo là 3,2m là gian chái ngoài cùng phía Đông; Khoảng cách 2 có số đo là 4,2m là khoảng cách gian chái phía đông; Khoảng cách 3 rộng 6,0m là khoảng cách gian của kiến trúc. Theo chiều từ bắc xuống nam, 6 móng cột trong vì tạo thành 5 khoảng cách, trong đó: Khoảng cách giữa cột quân và cột ngoài cùng phía Bắc và phía Nam là 3,0m: Khoảng cách giữa cột quân và cột cái là 4,2m; Lòng kiến trúc rộng 7,5m.

Móng cột của các kiến trúc đều hình vuông, có cùng kết cấu: đáy hố móng được dùng gạch vuông kích thước 38cm, bên trên được đầm chặt bằng 42 lớp sỏi và đất sét xen kẽ nhau. Kích thước móng cột trung bình 2,1m.

- Di tích kiến trúc ký hiệu 12.VH.LY.KT02, phát hiện được tại khu vực hố G7-G8, là một tổ hợp gồm 3 kiến trúc nằm thẳng hàng nhau theo chiều đông - tây, tâm các kiến trúc cách đều nhau một khoảng 9,59m, có cùng kết cấu. Trong đó: kiến trúc trung tâm hình vuông, mỗi chiều 3,0m được bao xung quanh là các cột gỗ liên kết với nhau bằng dây

Hình 3: Di tích kiến trúc mặt bằng hình tròn thời Lý, ký hiệu: 12.VH.G.LY02.



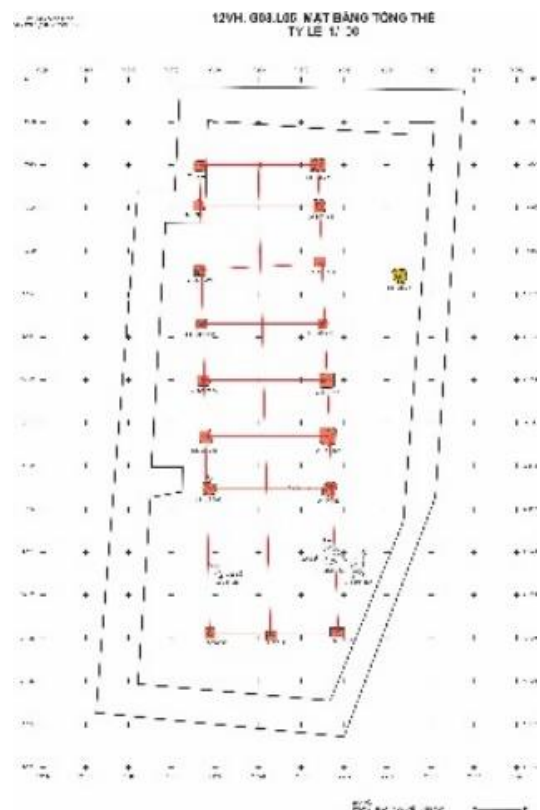
Nguồn: Phạm Văn Triệu, Lưu Văn Hùng 2021.

mây, chính giữa là tảng đá có lỗ tròn đường kính 0,66m, bên ngoài có 2 vòng lỗ chân cột gỗ đồng tâm: đường kính vòng trong là 9,34m với 16 lỗ chân cột; đường kính vòng ngoài là 14,5m mới xuất lộ được 11 lỗ chân cột. Phía đông và tây có 2 kiến trúc phụ đối xứng nhau, quy mô nhỏ hơn và có cùng kết cấu, được làm hoàn toàn bằng gỗ, đường kính rộng từ 1,1m đến 1,5m (Hình 3).

3.3. Di tích thời Trần (thế kỷ 13-14)

Nhận diện và làm rõ được duy nhất 1 kiến trúc tại hố G03, ký hiệu 12.VH.TR.KT01. Quy mô di tích rộng 297m², chiều đông - tây là 9m, chiều bắc - nam là 33m. Cấu trúc mặt bằng hình chữ nhật, gồm 2 hàng, mỗi hàng có 2 móng cột. Kết cấu kiến trúc gồm 16 móng cột đã xuất lộ phân bố đăng đối xếp thành 2 hàng. Theo chiều bắc - nam gồm 8 hàng tạo thành 7 khoảng cách: gian chái phía bắc rộng 2,9m, khoảng cách các gian còn lại rộng trung bình từ 3,9m đến 4,2m. Lòng kiến trúc rộng 8,5m. Các móng cột hình vuông, kích thước trung bình 0,8m, được gia cố bằng gạch chữ nhật và đá lót ở đáy hố móng (Hình 4).

Hình 4: Di tích kiến trúc thời Trần.



Nguồn: Lưu Văn Hùng, 2021.

3.4. Di tích thời Lê sơ (thế kỷ 15-16)

Giai đoạn này có 3 di tích kiến trúc và 1 di tích móng tường cấm thành. (Hình 5)

- Di tích kiến trúc 1 (ký hiệu 12.VH.LE.KT01): 16 móng cột, hình gần tròn, đường kính trung bình từ 0,7m đến 1,2m. Quy mô kiến trúc xuất lộ rộng 225m²: chiều đông - tây dài 25m, chiều bắc - nam rộng 9m. Kết cấu kiến trúc có 7 vì, mỗi vì 4 móng cột: Theo chiều đông - tây gồm 7 hàng, tạo thành 6 khoảng cách gian rộng từ 3,8-4,1m. Theo chiều bắc - nam, vì kiến trúc thứ 3 có 4 móng cột, các vì còn lại đều mới tìm được 2 móng cột, tạo thành 3 khoảng cách, trong đó: Khoảng cách giữa 2 cột cái rộng 3,0m; Khoảng cách từ cột cái đến cột quân rộng từ 2,0-2,6m.

- Di tích kiến trúc 2 (ký hiệu 12.VH.LE.KT02): 16 móng cột, phân bố trong phạm vi có diện tích 156m²: chiều bắc - nam là 13m, chiều đông - tây là 12m. Mặt bằng dài theo chiều bắc nam, rộng theo chiều đông tây, 16 móng cột phân bố nằm trong 7 hàng. Khoảng cách các gian rộng đều nhau là 4,0m. Theo chiều đông - tây, 4 móng cột trong vì tạo thành 3 khoảng cách: lòng kiến trúc rộng 4,5m là khoảng cách giữa 2 móng cột cái, các gian hai bên rộng đều nhau là 2m là khoảng cách giữa cột cái và cột quân.

- Di tích kiến trúc 3 (ký hiệu 12.VH.LE.KT03): phạm vi xuất lộ rộng 123,75m², trong đó: chiều bắc - nam dài 16,5m, chiều đông - tây rộng 7,5m, với 11 móng cột tạo thành 3 hàng, kích thước trung bình 0,6m x 0,6m. Theo chiều từ đông sang tây, 3 hàng móng cột tạo thành 2 khoảng, trong đó: khoảng rộng 4,2m là khoảng cách giữa hai cột cái (tức lòng kiến trúc), số đo 2,2m là khoảng cách giữa cột cái và cột quân. Theo chiều bắc - nam, 11 móng cột xếp thành 5 hàng có số đo đều nhau là 4,0m, đó là khoảng rộng các gian của kiến trúc.

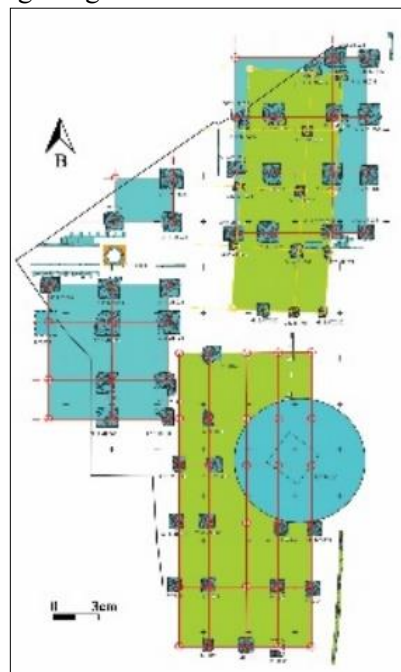
- Móng thành thời Lê sơ (ký hiệu 12.VH.LE.KT04) được đầm rất kỹ với 23 lớp vật liệu theo trật tự cứ 1 lớp đất sét dày trung bình 8,0cm đến 1 lớp gạch dày trung bình 12,0cm. Kích thước: rộng bắc - nam là 3,0m, dài đông - tây là 72,5m, dày 1,8m.

3.5. Di tích thời Lê Trung hưng (thế kỷ 17-18)

Gồm 3 di tích kiến trúc và 1 di tích móng tường cấm thành (Hình 5)

- Di tích kiến trúc 1 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT01): 14 móng cột phân bố trong diện tích 132,6m², theo đó: chiều bắc - nam là 13m, chiều đông - tây là 10,2m. Theo chiều từ bắc xuống nam, 14 móng cột xếp thành 4 hàng, có số đo đều nhau là 3,8m. Theo chiều đông - tây, các móng cột có 4 hàng, tạo thành các khoảng cách cột của vì kiến trúc: khoảng cách giữa 2 cột cái rộng 4,1m, khoảng cách giữa cột cái và cột quân rộng đều nhau là 2,3m.

Hình 5: Mặt bằng di tích kiến trúc thời Lê sơ và Lê Trung hưng.



Nguồn: Lưu Văn Hùng 2021; Phạm Văn Triệu, Bùi Văn Liêm, 2024.

- Di tích kiến trúc 2 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT02): Phân bố trong khoảng diện tích 22,5m²: chiều bắc - nam rộng 4,5m, chiều đông - tây dài 5,0m. Theo chiều từ đông sang tây, 03 móng cột xếp thành 2 hàng tạo thành một khoảng cách gian duy nhất rộng 3,9m. Theo chiều từ bắc xuống nam, các móng cột xếp thành 02 hàng, tạo thành một khoảng cách duy nhất rộng 2,8m, đây là khoảng cách giữa cột cái và cột quân trong vì kiến trúc.

- Di tích kiến trúc 3 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT03): gồm 10 móng cột và bó nền. Bó nền hiện dài 4,46m, gồm 8 viên gạch. Phạm vi các móng cột có diện tích 99m², chiều bắc - nam là 9,8m, chiều đông - tây là 10,1m. Theo chiều từ đông sang tây, 10 móng cột xếp thành 3 hàng, tạo thành 2 khoảng cách gian rộng đều nhau là 3,8m. Theo chiều từ bắc xuống nam, gồm 4 chân cột của bộ vì kiến trúc: khoảng cách giữa hai cột cái rộng 4,0m; khoảng cách giữa cột cái và cột quân rộng đều nhau là 2,1m. Các móng cột có dạng hình vuông, kích thước trung bình 1,5m, được đầm bằng các mảnh gạch, ngói và đất sét thành từng lớp từ dưới lên trên.

- Móng tường thành (ký hiệu 12.VH.LTH.KT04) phạm vi xuất lộ rộng bắc - nam từ 3,0m đến 3,5m, dài đông - tây là 50,5m và cách móng tường thời Lê sơ về phía nam khoảng 3,0m. Kết cấu chi tiết cho thấy, móng tường được đầm không kỹ so với móng tường thời Lê sơ, gồm 9 lớp, vật liệu không đồng nhất gồm nhiều loại: mảnh sành, gạch vồ, ngói,...

4. Những giá trị nổi bật

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 15 di tích, gồm 2 loại hình: móng nền kiến trúc và móng tường thành, di tích thời Lê có số lượng lớn nhất, chiếm tỉ lệ 53,7%.

Bảng 1: Thống kê số lượng các di tích kiến trúc tại địa điểm 36 Điện Biên Phủ

STT	Niên đại	Loại hình di tích	Số lượng	Tổng số	Tỉ lệ %
1	Đại La	Di tích kiến trúc hành lang	2	3	20,0
		Di tích móng thành	1		
2	Lý	Di tích kiến trúc mặt bằng hình chữ nhật	2	3	20,0
		Di tích kiến trúc mặt bằng hình tròn	1		
3	Trần	Di tích kiến trúc mặt bằng hình chữ nhật	1	1	6,6
4	Lê sơ	Di tích kiến trúc mặt bằng hình chữ nhật	3	4	26,7
		Di tích móng tường cấm thành	1		
5	Lê Trung hưng	Di tích kiến trúc mặt bằng hình chữ nhật	3	4	26,7
		Di tích móng tường cấm thành	1		
Tổng số				15	100

Nguồn: Tác giả thống kê

4.1. Thời Đại La

Năm 1010, trong *Chiếu dời đô* của vua Lý Công Uân, viết “thành Đại La, đô cũ của Cao Vương” (Ngô Sĩ Liên, 1998: 241), tức gọi La Thành của Cao Biền là thành Đại La. Kể từ đây, các nhà nghiên cứu đã gọi La Thành được đắp ở thời nhà Đường là thành Đại La, thời kỳ thuộc đô hộ nhà Đường gọi là thời Đại La. Trong thời gian này, thành Đại La liên tục được xây dựng, nhưng phải đến khi Cao Biền xưng vương thì cho đắp và xây dựng với quy mô lớn nhất, quy củ nhất. Sử chép, tháng 6 năm 864 “Biền giữ bản châu, xưng làm vua (vương)... đắp lại La Thành chu vi 1.980 trượng 5 thước, cao 2 trượng 6 thước, chân thành

rộng 2 trượng 6 thước, bốn mặt xây nữ tường cao 5 thước 5 tấc, 55 dịch lâu (lầu vọng dịch), 5 môn lâu, 6 ửng môn (cửa tò vò), 3 ngôi nước, 34 con đường đi, lại đắp đê chu vi 2.125 trượng 8 thước, cao 1 trượng 5 thước, chân đê rộng 3 trượng, lại dựng hơn 5000 gian nhà” (Trần Quốc Vượng, 2005: 36).

Kết quả khai quật khảo cổ tại 18 Hoàng Diệu đã tìm được một số dấu tích nền móng của kiến trúc thời Đại La, gồm: di tích kiến trúc, di tích công nước, giếng nước, sân nền lát gạch,... Về mặt bằng, phổ biến là loại hình kiến trúc hình chữ nhật với 2 hoặc 3 móng cột trong một hàng cột, có nhiều gian, trong đó nổi bật là kiến trúc hình chữ đinh “丁”, xung quanh là hệ thống di tích kiểu hành lang. Tại địa điểm 36 Điện Biên Phủ, với 3 kiến trúc. *Nét chung* của các kiến trúc ở đây là sự có mặt của 2 di tích kiểu hành lang, đồng thời, mặt bằng xuất lộ, kết cấu móng cột, kỹ thuật và vật liệu xây dựng cũng mang tính phổ biến chung của các di tích kiến trúc thời kỳ này. Nhưng những kiến trúc ở đây mang *những nét riêng*. Việc làm rõ được mặt bằng, quy mô của di tích gia cố móng thành, đó có thể là móng của tường thành phía nam của thành Đại La được xây dựng trong khoảng thế kỷ 7-9. Lớp văn hóa thời kỳ này trải đều trên toàn bộ khu vực từ hố G03-G04 lên phía Bắc, dày trung bình 0,5m, thì ngược lại, từ phạm vi gia cố móng thành này trở xuống phía nam, trên toàn bộ các hố khai quật còn lại của khu G, lớp văn hóa này không liên tục, không hình thành được một lớp riêng biệt mà chỉ thể hiện ở một số điểm như là một cá biệt. Như vậy, nếu lấy móng thành làm điểm trục ngang đông - tây thì hình thành 2 khu vực khác nhau về lớp văn hóa, khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam.

4.2. Thời Lý

Mùa thu năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi thành Thăng Long. Kể từ đây, Kinh thành Thăng Long luôn được xây dựng và hoàn thiện để trở thành một chính thể thống nhất, hoàn chỉnh của một kinh đô mang những giá trị riêng của dân tộc Việt. Theo sử chép, trong 215 năm (1010-1225), đã có 4 lần xây dựng, quy hoạch với quy mô lớn, đó là các năm 1010, 1017-1020, 1029-1030 và năm 1203, còn lại hầu như năm nào cũng thấy cải tạo, sửa chữa và xây dựng nhỏ. Thống kê từ các nguồn sử liệu, đã có 21 cung, 51 điện, 6 lầu, 6 thềm, 8 hành lang và 7 cửa được nhà Lý xây dựng tại Thăng Long.

- Di tích kiến trúc thời Lý phát hiện được tại 36 Điện Biên Phủ nằm trong tổng thể chung thống nhất của toàn bộ di tích thời Lý tại 18 Hoàng Diệu. Phương vị của các di tích thời Lý nằm theo trục bắc - nam lệch đông 5^0 và đơn vị đo 1 thước = 30cm. Mặt bằng của các di tích kiến trúc thời Lý tại 36 Điện Biên Phủ đều có hướng bắc - nam, thuộc nhóm di tích chiếm đa số. Theo kết quả nghiên cứu, hướng của 55 kiến trúc thời Lý tại 18 Hoàng Diệu cơ bản gồm 2 loại: hướng bắc - nam có 30 di tích, chiếm tỉ lệ 54,5%; hướng đông - tây có 10 di tích, chiếm tỉ lệ 18,2% (Phạm Văn Triệu, 2016).

Xét trên quy hoạch tổng thể, các di tích kiến trúc tại 36 Điện Biên Phủ góp phần quan trọng vào việc nhận diện hoàn chỉnh trục trung tâm của các kiến trúc thời Lý trong khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu, thể hiện tính quy hoạch chặt chẽ, thống nhất và khoa học. Từ kết quả nghiên cứu tại 36 Điện Biên Phủ, vấn đề trục trung tâm kiến trúc thời Lý được xác định rõ hơn, kéo dài hơn về phía nam, đến vị trí mặt bằng của kiến trúc 12.VH.LY.G.KT02.

- Di tích tại 36 Điện Biên Phủ thể hiện những nét riêng, từ đó đóng góp vào sự khẳng định tính đa dạng về mặt bằng, vật liệu và kỹ thuật xây dựng của kiến trúc thời Lý tại Hoàng

thành Thăng Long. Đó là đặc điểm về kết cấu mặt bằng, về vật liệu và kỹ thuật xây dựng bó nền. Nổi bật là việc phát hiện và làm rõ mặt bằng kiến trúc 12.VH.LY.G.KT02 đã đóng góp thêm 1 loại hình mặt bằng kiến trúc mà lần đầu tiên và duy nhất của thời Lý, mặt bằng hình tròn. Đối với 2 kiến trúc 12.VH.LY.G.KT03 và 12.VH.LY.G.KT04, dù chưa xuất lộ hết mặt bằng, nhưng bước đầu đã xác nhận đó là loại hình kiến trúc mà trong bộ vì có 6 móng cột, đều là cột nổi và nằm trong bó nền. Khoảng cách số đo bước cột trong bộ vì của 2 kiến trúc 12.VH.LY.G.KT03 và 12.VH.LY.G.KT04 là lớn nhất trong toàn bộ mặt bằng kiến trúc thời Lý hiện biết, cụ thể: khoảng cách giữa 2 cột cái rộng trung bình tới 7,8m, khoảng cách tiếp theo lần lượt là 4,5m và từ 2,7m (12.VH.LY.G.KT04) đến 3,9m (12.VH.LY.G.KT03). Tức là, để vượt được khẩu độ của lòng kiến trúc thì cần một cây gỗ lớn, dài ít nhất là khoảng 8,0m.

Bó nền tại 2 kiến trúc được xây dựng bằng gỗ có nhiều điểm rất khác biệt. Tại di tích 12.VH.LY.G.KT03, bó nền gồm nhiều lớp gỗ: 2 hàng gỗ song song và cách nhau trung bình từ 0,6m đến 0,8m, mỗi hàng có 2 lớp gỗ xếp chồng lên nhau và được liên kết bằng các lỗ mộng. Bó nền kiến trúc 12.VH.LY.G.KT04: 1 thanh gỗ dài 14,5m, nằm sát với hàng cọc móng của bó nền, được chế tác cẩn thận: bề mặt trên có rãnh lõm sâu từ 0,08m đến 0,15m, rộng từ 0,07m đến 0,11m; mặt dưới có các lỗ mộng hình chữ nhật, cách nhau không đều, kích thước lỗ mộng trung bình: dài 0,14m x rộng 0,06m x sâu 0,09m.

Vật liệu xây dựng móng cột cũng có nét riêng. Ngoài những lớp đầm bằng sỏi, ngói và đất sét, còn có gạch vuông, kích thước trung bình 39cm x 39cm x 6cm. Trong các móng cột có từ 1 đến 3 lớp gạch vuông, thường là 2 lớp ngăn cách nhau bằng cát vàng hoặc đất sét thuần được lát ở đáy các hố móng sau đó mới đầm các loại vật liệu khác lên trên, nhưng một số móng cột có tới 3 lớp.

- Di tích tế lễ Trời - Đất của các Hoàng đế đầu thời Lý, 12.VH.LY.G.KT02, có thể góp phần nhận diện, khẳng định sự tồn tại của một loại hình di tích được nhắc đến qua tài liệu bia ký. Việc xuất lộ cụm kiến trúc có mặt bằng hình tròn, 12.VH.LY.G.KT02, có thể xoay được, đó có thể là cấu trúc trục xoay của cụm di tích được ghi chép về đài đèn Quảng Chiếu trong văn bia tháp *Sùng Thiện Diên Linh* (chùa Long Đọi, Hà Nam), “Dấu cơ vi ở dưới đất, như bánh xe xoay chuyển” (Viện Văn học, 1977: 404). Nhưng đó cũng có thể là kiến trúc Minh Đường, như mô hình của kiến trúc thời Đường ở Trường An. Đây là loại di tích kiến trúc văn hóa tâm linh sớm nhất của Việt Nam hiện biết, có thể còn có liên quan đến việc quy hoạch xây dựng thành Thăng Long thời Lý mở ra thời kỳ phát triển trường tồn của Việt Nam cho đến tận ngày nay.

4.3. Thời Trần (thế kỷ 13-14)

Năm 1225, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, chấm dứt 216 năm vẻ vang của vương triều Lý, mở ra một triều đại mới trong lịch sử phong kiến Việt Nam, triều đại nhà Trần. Lên nắm quyền cai trị đất nước, nhà Trần vẫn duy trì, tiếp tục các công việc của nhà Lý trước đó. Tuy nhiên có thể diện mạo Kinh đô Thăng Long được quy hoạch, thay đổi, các công trình kiến trúc được cải tạo, sửa chữa hoặc xây mới cho phù hợp. Trong đó nổi bật là hai đợt xây dựng lớn trong các năm 1289 và 1371.

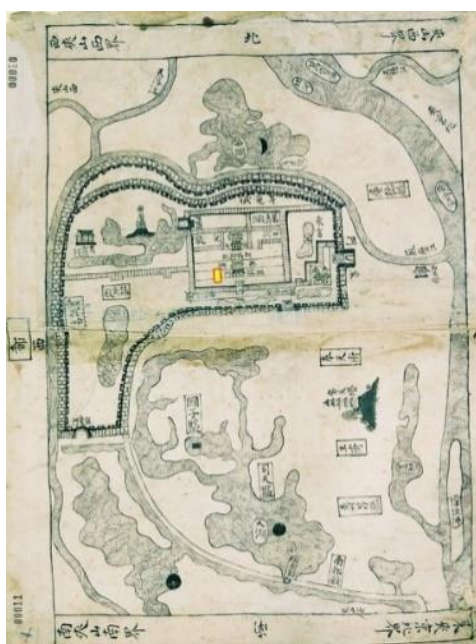
Bằng chứng khảo cổ học cho thấy, thời Trần có 2 giai đoạn xây dựng. Giai đoạn 1, ở nền móng các công trình kiến trúc được xây dựng từ thời Lý, việc cải tạo, sửa chữa, mở rộng của thời Trần được nhận diện rõ thông qua đặc điểm của vật liệu xây dựng mà dấu tích thể hiện rõ nhất là ở kiến trúc bát giác tìm được tại khu C (ký hiệu HTTL.C.LY.KT05), ở đó, các lớp

nền và bó nền của kiến trúc được cải tạo trên cơ sở sử dụng những viên gạch chữ nhật mang những đặc điểm của thời Trần. Đến các giai đoạn tiếp theo, các thay đổi lớn trong quy hoạch đã làm xuất hiện các di tích kiến trúc mới. Trên cơ sở đó, khu vực 18 Hoàng Diệu đã phát hiện và xác định được 7 di tích nền móng cùng điện được xây dựng khoảng cuối thế kỷ 13. Tại 36 Điện Biên Phủ, tuy mới chỉ tìm thấy được nền móng kiến trúc duy nhất của thời Trần, 12.VH.TR.G.KT01 nhưng đây là mặt bằng kiến trúc hoàn chỉnh nhất. Điều đó đã cho thấy, đến thời Trần, kỹ thuật và vật liệu xây dựng kiến trúc đã có nhiều thay đổi so với thời Lý nhưng không gian cấm thành Thăng Long vẫn không thay đổi so với thời Lý.

4.4. Thời Lê (thế kỷ 15-18)

Ngoài địa điểm 36 Điện Biên Phủ, dấu tích kiến trúc thời Lê còn phát hiện được tại các khu vực: 18 Hoàng Diệu, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long.- Theo bản đồ Hồng Đức, khu vực 36 Điện Biên Phủ nằm về phía tây trong không gian của cấm thành Thăng Long thời Lê (thế kỷ 15-18) (Hình 6). Do đó, việc phát hiện và làm rõ dấu tích móng tường Cấm thành thời Lê sơ và Lê Trung hưng chạy dài theo chiều đông tây, nằm song song và cách nhau khoảng 3,0m đã chỉ ra ranh giới của cấm thành Thăng Long thời Lê, thế kỷ 15-18. Việc nhận diện đặc điểm, cấu trúc của móng tường Cấm thành gồm 2 giai đoạn đã xác định sự thay đổi nhưng không đáng kể (Phạm Văn Triệu, 2024: 86-100).

Hình 6: Vị trí khu vực 36 Điện Biên Phủ trên bản đồ Hồng Đức.



Nguồn: Viện Khảo cổ học, 2015.

- Trong số 6 di tích kiến trúc thời Lê phát hiện được tại 36 Điện Biên Phủ thì có tới 5 di tích nằm bên ngoài của các móng tường cấm thành, điều đó cho thấy, bên ngoài cấm thành, nhà Lê đã cho xây dựng nhiều công trình phục vụ cho Hoàng gia. Từ đó có thể dự báo về tiềm năng khảo cổ tại khu vực không gian bên ngoài cửa Đoan Môn, với mật độ di tích khá đậm đặc, trong đó các di tích thời Lê Trung hưng nằm đan xen với các kiến trúc thời Lê sơ (Phạm Văn Triệu, 2024: 86-100).

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu về các di tích kiến trúc tại địa điểm 36 Điện Biên Phủ đã cung cấp những tư liệu xác thực quá trình xây dựng kiến trúc tại địa điểm này qua các thời kỳ lịch sử, kéo dài hơn 10 thế kỷ. Sự đa dạng và tính truyền thống trong kỹ thuật xây dựng các di tích của các thời kỳ phản ánh truyền thống xây dựng, quy hoạch các cung điện trong Hoàng cung, mang tính liên tục qua các thời kỳ, góp phần quan trọng trong việc xác định và nghiên cứu lịch sử kiến trúc Kinh thành. Tính truyền thống trong kỹ thuật xây dựng thể hiện trong kỹ thuật xây dựng các móng trụ, sự gia cố kiên cố các móng trụ để có thể chịu được bộ khung chắc chắn và các vật liệu lợp mái kiến trúc. Tuy nhiên, qua các thời kỳ, kỹ thuật xây dựng kiến trúc lại có *những đổi mới*. Mặt bằng nền móng kiến trúc thời Lý được gia cố đất sét thuần được tôn cao lên so với các thời kỳ trước, với sự phong phú về các loại hình móng trụ và vật liệu xây dựng các móng trụ. Thời Trần, nền móng kiến trúc lại được tôn cao thêm bằng loại đất sét khác hoàn toàn so với thời Lý, tuy nhiên kỹ thuật xây dựng kiến trúc thông qua các móng cột đã có sự thay đổi theo hướng kém kiên cố hơn. Sang đến thời Lê, kỹ thuật xây dựng kiến trúc đã thay đổi, đó là sự vắng mặt hoàn toàn của các móng cột âm có từ thời Đại La, thời Lý, cùng với sự vắng mặt của các loại vật liệu xây dựng thời Lý - Trần, như: sỏi, đất sét thuần, gỗ và gạch vuông bên trong các móng cột, thay thế vào đó là các mảnh gạch vụn. Đồng thời, các mặt bằng kiến trúc cũng không còn đa dạng và phong phú nữa.

Như vậy, trong tổng thể khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các di tích kiến trúc tại 36 Điện Biên Phủ minh chứng cho sự chuyển biến về mặt bằng kiến trúc, sự đa dạng và tính truyền thống trong kỹ thuật và vật liệu xây dựng, từ đó *góp phần nghiên cứu lịch sử kiến trúc cung điện của kinh đô Thăng Long nói riêng và lịch sử kiến trúc Việt Nam nói chung*. Đó cũng chính là một biểu hiện đặc sắc, nổi bật, nổi trội của lịch sử Việt Nam, văn hóa Việt Nam được kết tinh tại Kinh đô Thăng Long.

Tài liệu tham khảo

Bùi Văn Liêm, Phạm Văn Triệu, Lưu Văn Hùng. (2020). Di tích kiến trúc thời Đại La khu vực đường hầm và bãi xe ngầm Nhà Quốc hội (khu G) trong tổng thể kiến trúc thời Đại La khu di tích Hoàng thành Thăng Long. *Tạp chí Khảo cổ học*. số 5.

Lưu Văn Hùng 2021. *Di tích kiến trúc tại địa điểm Vườn Hồng - 36 Điện Biên Phủ, Hà Nội*. [Luận văn Thạc sỹ. Học viện Khoa học xã hội].

Ngô Sĩ Liên và Các Sử Thần Triều Lê. (1998). *Đại Việt sử ký toàn thư*. t.1. Nxb. Khoa học xã hội.

Phạm Văn Triệu. (2016). *Di tích kiến trúc thời Lý tại Hoàng thành Thăng Long, 18 Hoàng Diệu, Hà Nội*, Tư liệu Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phạm Văn Triệu, Bùi Văn Liêm. (2024). Nghiên cứu quy mô cấu trúc các di tích kiến trúc thời Lê tại Hoàng thành Thăng Long. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.

Phạm Văn Triệu, Lưu Văn Hùng. (2021). Di tích kiến trúc thời Lý tại khu G: Phát hiện và nghiên cứu. *Tạp chí Khảo cổ học*. số 2.

Phạm Văn Triệu, Phạm Lê Huy. (2024). Kiến trúc trục xoay thời Lý tại 36 Điện Biên Phủ trong bối cảnh kiến trúc Đông Á và giải mã các kiến trúc trục xoay phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long. *Tạp chí Khảo cổ học*. số 2.

Trần Quốc Vượng (dịch) (2005). *Việt sử lược*. Nxb. Thuận Hóa, Huế.

Viện Khảo Cổ Học. (2015). *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật và xử lý di dời di tích, di vật khu vực đường hầm và bãi xe ngầm công trình nhà Quốc hội (khu G)*. Tư liệu Dự án.